TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 958/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Xuân Lang**

2. Bà **Lê Vũ Thúy Hằng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông **Phan Văn Kiền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2016/TLST-HN ngày 09 tháng 11 năm 2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2815/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Ngọc Vy P**, sinh năm 1982

Địa chỉ: 14.08A tòa nhà A 184 đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Thương Công T (Thuong Cong T)**, sinh năm 1975

Địa chỉ: 2709 SW 141 St A, OK 73170, USA

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2016 và bản tự khai ngày 15/12/2016, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Vy P trình bày:

Bà và ông Thương Công T (Thuong Cong T) tự nguyện tìm hiểu kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 647 quyển số 03/2007 ngày 09/11/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 03 tháng thì ông T quay trở về Hoa Kỳ và có hứa hẹn bảo lãnh đưa bà sang để vợ chồng sớm đoàn

tụ. Thời gian đầu trong năm 2008 vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, sau đó các cuộc gọi thưa dần. Năm 2009, bà có đề cập hỏi ông T về việc bảo lãnh thì ông T bảo bà chờ. Từ đó ông không còn liên lạc với bà nữa, bà cũng không còn có thể liên lạc được với chồng. Bà xác định vợ chồng không thể tiếp tục đời sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống**.**

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Thương Công T (Thuong Cong T) cư trú ở Hoa Kỳ, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 94/UTTPDS-TA30 ngày 17/5/2017. Theo nôi dung tại văn bản nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 17/3/2018, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 15/4/2018. Văn bản được Bộ Tư pháp gửi đến Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ ngày 28/11/2017. Đến ngày mở phiên tòa, Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Thương Công T (Thuong Cong T) và ông cũng không có mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.

Ngày 06/4/2018, Tòa án có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với ông Thương Công T (Thuong Cong T). Hết thời hạn 03 tháng, đến ngày mở phiên tòa, Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Thương Công T (Thuong Cong T) và ông cũng không có mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Vy P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Huỳnh Ngọc Vy P được ly hôn ông Thương Công T (Thuong Cong T). Con chung: không có. Tài sản chung không có gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Vy P đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Thương Công T (Thuong Cong T) cư trú tại nước Hòa Kỳ; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Vy P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Thương Công T (Thuong Cong T) vắng mặt đến lần thứ 2.

Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Huỳnh Ngọc Vy P và ông Thương Công T (Thuong Cong T) tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 647 quyển số 03.2007 ngày 09/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà P: sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 03 tháng thì ông Thương Công T (Thuong Cong T) quay trở về Hoa Kỳ. Giữa vợ chồng có bàn bạc khi trở về Hoa Kỳ, ông T sẽ làm thủ tục bảo lãnh cho vợ sang đoàn tụ. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Tuy nhiên đến năm 2009, khi bà P hỏi ông T vế thủ tục bảo lãnh cho vợ sang Hoa Kỳ thì việc liên lạc thưa dần rồi sau đó ông T không quay lại Việt Nam và bà P cũng mất liên lạc với chồng. Vì vậy, bà xác định tình cảm đối với chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét, tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Như vậy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm mà vẫn mạnh ai nấy sống trong thời gian dài nên hôn nhân giữa đôi bên lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của

đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà P.

Về con chung: Bà P khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp- Bộ Ngoại giao-Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc Vy P được ly hôn ông Thương Công T (Thuong Cong T).

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 647, Quyển số 03.2007 ngày 09/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc Vy P khai không có. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 (Hai trăm nghìn)đồng bà Huỳnh Ngọc Vy P nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng bà P đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0031427 ngày 25/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà P đã nộp đủ án phí.

Trả lại cho bà Huỳnh Ngọc Vy P 3.000.000 (Ba triệu) đồng tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0031893 ngày 13/01/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Vy P và bị đơn ông Thương Công T (Thuong Cong T); bà Huỳnh Ngọc Vy P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Thương Công T (Thuong Cong T) được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Nhung